**KẾ HOẠCH BÀI DẠY MÔN TOÁN LỚP 4B - TUẦN 2**

**Người soạn: Đinh Thị Thủy**

**Ngày soạn:15/09/2024**

**Ngày dạy: 16/09/2024**

***Tiết 2: Toán***

**SỐ CHẴN, SỐ LẺ ( Trang 11)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.**

***1. Năng lực đặc thù:***

- Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.

- Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ

- Phát triển năng lực tư duy và lập luận toán học.

***2. Năng lực chung.***

- Năng lực tự chủ, tự học: Biết tự giác học tập, làm bài tập và các nhiệm vụ được giao.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia tốt trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển năng lực giao tiếp trong hoạt động nhóm.

***3. Phẩm chất.***

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Có ý thức tự giác học tập, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Biết giữ trật tự, lắng nghe và học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**  \* Mục tiêu:  + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.  + Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học.  + Câu 1: Tổng của 57 685 và 28 193  + Câu 2: Hiệu của 87 234 và 29 156  + Câu 3: Tích của 15 368 và 6  + Câu 4: Thương của 48 175 và 5  - GV Nhận xét, tuyên dương.  - GV dẫn dắt vào bài mới | - HS tham gia trò chơi  + Trả lời:  - 85 878  - 68 078  - 92 208  - 9 635  - HS lắng nghe. |
| **2. Khám phá:**  \* Mục tiêu:  + Hiểu thế nào là số chẵn, số lẻ.  + Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.  \* Cách tiến hành: | |
| a. - GV yêu cầu học sinh quan sát tranh. 1 HS đọc bóng nói của Mai và Rô bốt.  - GV yêu cầu học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi: Các số đó có đặc điểm gì?  + Học sinh trả lời, nhận xét lẫn nhau.  + Giáo viên nhận xét, tuyên dương.  b. Số chẵn, số lẻ:  + Các số 10, 12, 14, 16, 18 có đặc điểm gì?  + Các số 11, 13, 15, 17, 19 có đặc điểm gì?  + Số chẵn là số như thế nào?  + Số lẻ là số như thế nào?  - Gọi 1 học sinh đọc lại.  - Gọi 1 học sinh đọc bóng nói của Việt.  - Yêu cầu học sinh thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:  + Nêu cách để nhận biết số chẵn, số lẻ. Cho ví dụ.  + Đại diện nhóm trình bài, nhận xét lẫn nhau.  + GV nhận xét, tuyên dương.  + Hỏi: Muốn xác định số chẵn hay số lẻ, ta dựa vào dấu hiệu nhận biết nào? | - Để dễ tìm số nhà, người ta dùng các số chẵn (như 10, 12, 14, 16, 18, ....) để đánh số nhà ở một bên của dãy phố, bên còn lại người ta dùng các số lẻ (như 11, 13, 15, 17, 19, ...)  - Các số 10, 12, 14, 16, 18 đều chia hết cho 2.  - Các số 11, 13, 15, 17, 19 không chia hết cho 2.  - Số chia hết cho 2 là số chẵn.  - Số không chia hết cho 2 là số lẻ.  - HS đọc.  - 1 HS đọc.  - HS thảo luận nhóm đôi.  - Các số có chữ số tận cùng 0, 2, 4, 6, 8 là các số chẵn. Ví dụ: 40, 72, 214, 96,  2 318, ...  - Các số có chữ số tận cùng 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ. Ví dụ: 31, 73, 615, 107,  1 909, ...  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - Dựa vào chữ số tận cùng (chữ số hàng đơn vị) của số đó. |
| **3. Luyện tập:**  \* Mục tiêu:  + Nắm được dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.  + Nêu được các số chẵn, số lẻ trên tia số.  + Đếm được có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ.  \* Cách tiến hành: | |
| Bài 1. Trong các số dưới đây, số nào là số chẵn, số nào là số lẻ? (Làm việc cá nhân)  - GV hướng dẫn học sinh làm miệng:  - GV nhận xét, tuyên dương.  Bài 2: Nêu các số chẵn, số lẻ trên tia số dưới đây. (Làm việc cá nhân)  - GV mời 1 HS nêu dấu hiệu nhận biết số chẵn, số lẻ.  - Cả lớp làm bài vào vở:  - Gọi HS nêu kết quả, HS nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương.  Bài 3: Từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ? (Làm việc nhóm 2)  - Hỏi: Muốn biết từ 10 đến 31 có bao nhiêu số chẵn, bao nhiêu số lẻ ta làm thế nào?  - GV cho HS làm theo nhóm.  - GV mời các nhóm trình bày.  - Mời các nhóm khác nhận xét  - GV nhận xét chung, tuyên dương. | - 1 HS đọc đề bài.  - HS lần lượt trả lời, HS khác nhận xét.  + Số chẵn: 12; 108; 194; 656; 72  + Số lẻ: 315; 71; 649; 113; 107  - HS lắng nghe rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - 1 HS trình bày: Dựa vào chữ số tận cùng của số đó. Nếu chữ số tận cùng 0; 2; 4; 6; 8 là số chẵn; chữ số tận cùng 1; 3; 5; 7; 9 là số lẻ.  - Số chẵn là: 0; 2; 4; 6; 8; 10; 12  - Số lẻ là: 1; 3; 5; 7; 9; 11.  - HS nhận xét.  - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.  - 1 HS đọc đề bài.  - Viết các số từ 10 đến 31 trên tia số rồi đếm.  - Các nhóm làm việc theo phân công.  - Từ 10 đến 31 có 11 số chẵn, 11 số lẻ.  - Các nhóm trình bày.  - Các nhóm khác nhận xét.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm.**  \* Mục tiêu:  + Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.  + Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  + Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.  \* Cách tiến hành: | |
| - GV tổ chức vận dụng bằng các hình thức như trò chơi, hái hoa, ... sau bài học để học sinh nhận biết số số chẵn, số lẻ.  - Ví dụ: GV viết 8 số bất kì như: 52, 39; 597; 250; 101; 294; 306; 495 vào 8 phiếu. Mời 8 học sinh tham gia trải nghiệm: Phát 8 phiếu ngẫu nhiên cho 8 em, sau đó mời 8 em đứng thành 2 dãy: Số chẵn, số lẻ. Ai đúng sẽ được tuyên dương.  - Nhận xét, tuyên dương.  - GV nhận xét tiết dạy.  - Dặn dò bài về nhà. | - HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.  - 8 HS xung phong tham gia chơi.  - HS lắng nghe để vận dụng vào thực tiễn. |